

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Công ty mẹ)
QUÝ IV NĂM 2023

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		340,058,872,855	355,357,778,109
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	228,171,368,733	221,034,411,588
1. Tiền	111		32,212,496,467	30,271,366,154
2. Các khoản tương đương tiền	112		195,958,872,266	190,763,045,434
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85,000,000,000	89,409,653,155
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	85,000,000,000	89,409,653,155
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20,562,536,637	41,807,483,981
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4,317,086,358	32,066,782,361
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	555,411,817	152,690,476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	16,469,315,339	10,367,288,021
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(779,276,877)	(779,276,877)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5,185,890,519	1,082,804,000
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5,185,890,519	1,082,804,000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,139,076,966	2,023,425,385
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	154,171,775	771,030,289
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		726,585,607	1,088,237,325
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	258,319,584	164,157,771
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		272,808,997,566	293,235,906,732
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		171,050,603,413	193,751,906,732
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	94,482,698,321	115,599,353,556
Nguyên giá	222		519,965,847,860	519,301,635,162
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(425,483,149,539)	(403,702,281,606)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	76,567,905,092	78,152,553,176
Nguyên giá	228		101,542,004,441	101,542,004,441
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24,974,099,349)	(23,389,451,265)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3,911,703,759	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3,911,703,759	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	97,846,690,394	99,484,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		19,000,000,000	19,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		78,225,400,000	78,225,400,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,258,600,000	2,258,600,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,637,309,606)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		612,867,870,421	648,593,684,841

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		21,974,660,739	21,003,912,208
I. Nợ ngắn hạn	310		21,974,660,739	21,003,912,208
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2,734,180,256	4,809,516,565
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6,603,129,965	5,601,601,285
4. Phải trả người lao động	314		3,043,464,788	2,363,559,967
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	301,937,267	302,489,385
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6,637,483,197	5,391,640,095
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2,654,465,266	2,535,104,911
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

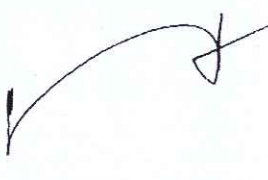
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		590,893,209,682	627,589,772,633
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	590,893,209,682	627,589,772,633
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		101,852,596,289	101,852,596,289
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88,917,165,393	125,613,728,344
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		180,318,638	39,480,032,239
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		88,736,846,755	86,133,696,105
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		612,867,870,421	648,593,684,841

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2024
Giám đốc

Lê Chí Đăng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2023 đến 31/12/2023

CHỈ TIÊU		Quý 4/2023	Quý 4/2022	Lũy kế 2023	Lũy kế 2022
Mã số	Thuyết minh				
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	46,109,058,393	47,205,529,859	186,767,257,699	194,432,592,011
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46,109,058,393	47,205,529,859	186,767,257,699	194,432,592,011
4.	Giá vốn hàng bán	17,425,274,842	21,090,569,375	62,031,815,101	71,227,317,578
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28,683,783,551	26,114,960,484	124,735,442,598	123,205,274,433
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	6,512,371,268	7,020,814,977	14,884,532,612	12,833,729,999
7.	Chi phí tài chính	-	-	-	-
	Trong đó: chi phí lãi vay	-	-	1,637,309,606	-
8.	Chi phí bán hàng	845,450,201	311,417,000	1,750,327,065	3,450,859,328
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,589,658,866	5,748,320,996	20,642,686,256	20,071,363,433
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28,761,045,752	27,076,037,465	115,589,652,283	112,516,781,671
11.	Thu nhập khác	-	1	494,067,018	17,800,201
12.	Chi phí khác	5,103,116	2,009,178	230,713,718	166,973,394
13.	Lợi nhuận khác	(5,103,116)	(2,009,177)	263,353,300	(149,173,193)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28,755,942,636	27,074,028,288	115,853,005,583	112,367,608,478
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,875,913,187	4,526,051,065	22,445,798,473	21,700,559,946
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

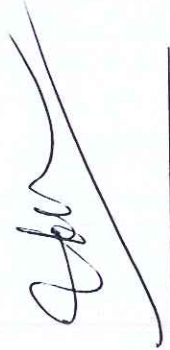
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

60	23,880,029,449	22,547,977,223	93,407,207,110	90,667,048,532
70	-	-	-	-
71	-	-	-	-

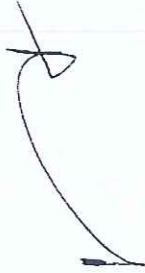
Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Viết Trường



Lê Chi Đăng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		115,853,005,583	112,367,608,478
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	24,232,516,017	23,979,653,295
- Các khoản dự phòng	03		1,637,309,606	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(14,720,580,932)	(11,809,732,785)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127,002,250,274	124,537,528,988
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21,623,570,831	14,072,977,824
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,103,086,519)	1,284,778,000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2,039,316,587)	(3,924,158,788)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		616,858,514	(621,858,511)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(21,905,697,558)	(15,592,040,893)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	22,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(4,864,409,706)	(6,671,518,487)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		116,330,169,249	113,107,708,133
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(4,831,165,800)	(14,776,057,601)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		200,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(105,000,000,000)	(315,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		109,409,653,155	286,796,922,187
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14,847,072,781	12,876,449,011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14,625,560,136	(30,102,686,403)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(123,818,772,240)	(80,726,972,200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(123,818,772,240)</u>	<u>(80,726,972,200)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7,136,957,145	2,278,049,530
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	221,034,411,588	218,756,362,058
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>228,171,368,733</u>	<u>221,034,411,588</u>

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 938/180 đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 39 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 39 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập

Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí thay thế đệm va cầu tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí thuê cầu

Tiền thuê cầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	02-06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-04 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	27.357.388	52.139.237
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.185.139.079	30.219.226.917
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	195.958.872.266	190.763.045.434
Cộng	228.171.368.733	221.034.411.588

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái ⁽ⁱ⁾	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>78.225.400.000</i>	<i>-</i>	<i>78.225.400.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱⁱ⁾	78.225.400.000	-	78.225.400.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>2.258.600.000 (1.637.309.606)</i>	<i>-</i>	<i>2.258.600.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.258.600.000 (1.637.309.606)	-	2.258.600.000	-
Cộng	99.484.000.000 (1.637.309.606)	-	99.484.000.000	-

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 1.900.000 cổ phần, tương đương 54,29% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/1 cổ phần, giá trị ghi sổ là 78.225.400.000 VND, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 225.860 cổ phần, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái				
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	8.553.325.188		9.506.297.500	
Doanh thu dịch vụ tư vấn đã cung cấp	120.000.000		120.000.000	
Lãi bán hàng trả chậm	363.951.680		1.023.997.214	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ				
Công ty liên kết chia cổ tức	4.535.759.103		4.583.782.141	
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Phải thu các bên liên quan	<u>3.179.618.048</u>		<u>30.929.314.051</u>	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	975.931.457		10.449.369.753	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	2.203.686.591		20.479.944.298	
Phải thu các khách hàng khác	<u>1.137.468.310</u>		<u>1.137.468.310</u>	
Cộng	<u>4.317.086.358</u>		<u>32.066.782.361</u>	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Trả trước cho bên liên quan	<u>555.411.817</u>		<u>-</u>	
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	555.411.817		-	
Trả trước cho người bán khác	<u>-</u>		<u>152.690.476</u>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Số Một	-		117.786.386	
Các nhà cung cấp khác	-		34.904.090	
Cộng	<u>555.411.817</u>		<u>152.690.476</u>	
5. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>7.606.783.625</u>	<u>-</u>	<u>7.242.831.945</u>	<u>-</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - Tiền lãi trả chậm	7.606.783.625	-	7.242.831.945	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	<u>8.862.531.714</u>	<u>(17.558.567)</u>	<u>3.124.456.076</u>	<u>(17.558.567)</u>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.050.443.023	-	2.376.934.872	-
Tạm ứng	57.600.000	-	126.095.250	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - phải thu tiền đặt cọc đã hết hạn hợp đồng	-	-	428.450.000	-
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng - Tiền "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh"	6.736.930.124	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.558.567	(17.558.567)	192.975.954	(17.558.567)
Cộng	<u>16.469.315.339</u>	<u>(17.558.567)</u>	<u>10.367.288.021</u>	<u>(17.558.567)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	536.549.860	536.549.860
Công ty Cổ phần Gỗ Hải Quảng	49.186.500	49.186.500
Công ty TNHH Vận tải XNK Trung Thành	44.999.550	44.999.550
CBF Coffee	130.982.400	130.982.400
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Việt Hàn Mỹ	17.558.567	17.558.567
	<u>779.276.877</u>	<u>779.276.877</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	779.276.877	779.276.877
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối năm	<u>779.276.877</u>	<u>779.276.877</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ tồn kho	5.185.890.519	1.082.804.000

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bảo hiểm phương tiện	154.171.775	149.171.778
Chi phí nạo vét luồng bãi	-	617.858.511
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	4.000.000
Cộng	<u>154.171.775</u>	<u>771.030.289</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	195.087.317.394	319.087.331.826	2.096.372.727	1.715.072.937	1.315.540.278	519.301.635.162
Số đầu năm	-	210.512.698	1.235.900.000	84.800.000	-	1.531.212.698
Mua trong năm	-	-	(867.000.000)	-	-	(867.000.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.465.272.727	1.799.872.937	1.315.540.278	519.965.847.860
Số cuối năm	195.087.317.394	319.297.844.524	2.465.272.727	1.799.872.937	1.315.540.278	519.965.847.860
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	157.730.229.593	-	55.400.545	-	206.040.845.684
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	111.150.063.720	290.607.485.134	1.481.686.356	294.193.160	168.853.236	403.702.281.606
Khấu hao trong năm	6.901.704.540	14.674.268.820	273.186.193	461.001.908	337.706.472	22.647.867.933
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(867.000.000)	-	-	(867.000.000)
Số cuối năm	118.051.768.260	305.281.753.954	887.872.549	755.195.068	506.559.708	425.483.149.539
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	83.937.253.674	28.479.846.692	614.686.371	1.420.879.777	1.146.687.042	115.599.353.556
Số cuối năm	77.035.549.134	14.016.090.570	1.577.400.178	1.044.677.869	808.980.570	94.482.698.321
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.262.004.441	280.000.000	101.542.004.441
Số cuối năm	<u>101.262.004.441</u>	<u>280.000.000</u>	<u>101.542.004.441</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	280.000.000	280.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	23.109.451.265	280.000.000	23.389.451.265
Khấu hao trong năm	1.584.648.084	-	1.584.648.084
Số cuối năm	<u>24.694.099.349</u>	<u>280.000.000</u>	<u>24.974.099.349</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>78.152.553.176</u>	-	<u>78.152.553.176</u>
Số cuối năm	<u>76.567.905.092</u>	-	<u>76.567.905.092</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	-	553.543.848	-	553.543.848
<i>Dự án cải tạo cầu cảng số 7 - tiếp nhận tàu có trọng tải đến 40.000 DWT</i>	-	330.010.148	-	330.010.148
<i>Dự án cải tạo cầu cảng 2.200 DWT - tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000DWT</i>	-	223.533.700	-	223.533.700
Chi phí lập báo cáo KTKT công trình mái Canopy kho 2,3 GĐ2	-	3.358.159.911	-	3.358.159.911
Cộng	-	<u>3.911.703.759</u>	-	<u>3.911.703.759</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	828.821.850	1.297.522.878
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	10.469.330	19.302.184
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	629.039.320	1.278.220.694
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	189.313.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.905.358.406</i>	<i>3.511.993.687</i>
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	-	428.450.000
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	-	2.580.086.804
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hồng Lĩnh	1.049.376.088	-
Công ty TNHH TNHH Thủy Hải sản Tư Bình	381.046.720	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Lộc Thành Phát	-	396.001.556
Các nhà cung cấp khác	474.935.598	107.455.327
Cộng	2.734.180.256	4.809.516.565

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	13.613.798.158	(13.613.798.158)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.318.728.012	-	22.445.798.473	(21.905.697.558)	4.858.828.927	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.282.873.273	-	2.267.269.671	(1.805.841.906)	1.744.301.038	-
Thuế nhà đất	-	-	15.499.175	(15.499.175)	-	-
Tiền thuê đất	-	164.157.771	602.745.696	(696.907.509)	-	258.319.584
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	5.601.601.285	164.157.771	38.948.111.173	(38.040.744.306)	6.603.129.965	258.319.584

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	8%,10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.853.005.583	112.367.608.478
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	831.526.487	718.973.394
- Các khoản điều chỉnh tăng	831.526.487	718.973.394
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	<i>588.800.000</i>	<i>552.000.000</i>
<i>Chi phí loại trừ không hợp lệ khác</i>	<i>242.726.487</i>	<i>166.973.394</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	116.684.532.070	113.086.581.872
Thu nhập được miễn thuế	(4.535.759.103)	(4.583.782.141)
Thu nhập tính thuế	112.148.772.967	108.502.799.731
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>22.429.754.593</i>	<i>21.700.559.946</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>16.043.880</i>	<i>-</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	22.445.798.473	21.700.559.946

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được giảm 30% tiền thuê đất phải nộp năm 2023 tại phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức để đầu tư xây dựng cảng với diện tích khu đất là 59.796,2 m² tương ứng với số tiền thuê đất năm 2023 được giảm là 258.319.584 VND.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền điện phải trả	301.937.267	216.125.749
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	86.363.636
Cộng	301.937.267	302.489.385

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>4.000.000</i>
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	4.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.637.483.197</i>	<i>5.387.640.095</i>
Kinh phí công đoàn	27.717.942	26.765.433
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.128.720	4.128.705
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	375.750.000	375.750.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.217.886.535	4.916.658.775
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.000.000	64.337.182
Cộng	6.637.483.197	5.391.640.095

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Nhận tiền khen thưởng từ TCT	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.978.046.430	3.736.288.284	-	(3.748.000.000)	1.966.334.714
Quỹ phúc lợi	552.198.599	934.072.071	-	(803.000.000)	683.270.670
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.882	313.409.706	-	(313.409.706)	4.859.882
Cộng	2.535.104.911	4.983.770.061	-	(4.864.409.706)	2.654.465.266

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<i>Năm trước</i>					
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	123.435.735.400	625.411.779.689
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	90.667.048.532	90.667.048.532
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(81.600.000.000)	(81.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng BDH từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(1.470.193.487)	(1.470.193.487)
Trích quỹ hoạt động HĐQT, BKS năm 2021 theo NQ ĐHĐCĐ năm 2022	-	-	-	(885.509.674)	(885.509.674)
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(4.533.352.427)	(4.533.352.427)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	125.613.728.344	627.589.772.633
<i>Năm nay</i>					
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	125.613.728.344	627.589.772.633
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	93.407.207.110	93.407.207.110
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(125.120.000.000)	(125.120.000.000)
Trích quỹ khen thưởng BDH từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(313.409.706)	(313.409.706)
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận trong năm 2022	-	-	-	(4.670.360.355)	(4.670.360.355)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	88.917.165.393	590.893.209.688

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Cộng	340.000.000.000	340.000.000.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 18/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 27 tháng 6 năm 2023 như sau:

Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022	VND
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 313.409.706
• Chia cổ tức	: 125.120.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	: 4.670.360.355

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ cho thuê cảng biển	150.000.000.000	150.000.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	25.053.140.539	27.084.476.256
Doanh thu dịch vụ khác	11.714.117.160	17.348.115.755
Cộng	186.767.257.699	194.432.592.011

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không có giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Doanh thu cho thuê bãi	150.000.000.000	150.000.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	25.053.140.539	27.084.476.256
Doanh thu dịch vụ khác	11.714.117.160	17.190.396.707
Cộng	<u>186.647.257.699</u>	<u>194.274.872.963</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ cho thuê cảng biển	29.683.064.895	30.623.191.752
Giá vốn của dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	22.295.789.242	24.528.493.357
Giá vốn của dịch vụ khác	10.052.960.964	16.075.632.469
Cộng	<u>62.031.815.101</u>	<u>71.227.317.578</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	9.834.249.704	7.170.640.757
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	150.572.125	55.309.887
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.535.759.103	4.583.782.141
Lãi bán hàng trả chậm	363.951.680	1.023.997.214
Cộng	<u>14.884.532.612</u>	<u>12.833.729.999</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.637.309.606	-
Cộng	<u>1.637.309.606</u>	<u>-</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	925.464.000	2.981.489.628
Chi phí bán hàng khác	824.863.065	469.369.700
Cộng	<u>1.750.327.065</u>	<u>3.450.859.328</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.875.398.282	9.674.943.178
Chi phí vật liệu quản lý	221.946.678	203.758.079
Chi phí đồ dùng văn phòng	251.048.787	640.198.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.830.721.341	996.822.187
Thuế, phí và lệ phí	18.899.175	27.364.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.606.056.060	2.680.472.352
Các chi phí khác	5.838.615.933	5.847.804.494
Cộng	<u>20.642.686.256</u>	<u>20.071.363.433</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	200.000.000	-
Thanh lý thiết bị văn phòng	-	17.800.000
Thu nhập khác từ thi hành án Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh	294.066.047	-
Thu nhập khác	971	201
Cộng	<u>494.067.018</u>	<u>17.800.201</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt chậm nộp	38.896.871	166.973.394
Chi phí ủng hộ	184.800.000	-
Chi phí khác	7.016.847	-
Cộng	<u>230.713.718</u>	<u>166.973.394</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	221.946.678	203.758.079
Chi phí nhân công	15.215.161.597	15.148.757.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.232.516.017	23.979.653.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.475.600.893	36.611.160.067
Chi phí khác	15.279.603.237	18.806.211.790
Cộng	<u>84.424.828.422</u>	<u>94.749.540.339</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản và nợ tiềm tàng

Theo thông báo về việc thụ lý vụ án số 52/TB-TLVA ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh” giữa các bên gồm: Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (“Nông nghiệp Sài Gòn”), Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (“Công ty”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh (“Công ty Hoàng Vinh”). Tòa án Nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Nông nghiệp Sài Gòn với những vấn đề yêu cầu giải quyết như sau:

- Yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng hợp tác số 124/HĐHTKD/2018 ký ngày 29/12/2017 giữa Nông nghiệp Sài Gòn và Công ty.
- Buộc Công ty và Công ty Hoàng Vinh phải giao trả mặt bằng kho bãi diện tích 7.892m² tại địa chỉ 166 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân theo đúng hiện trạng mặt bằng ban đầu Nông nghiệp Sài Gòn đã bàn giao khi ký hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Buộc Công ty phải thanh toán cho Nông nghiệp Sài Gòn số tiền tạm tính từ 01/07/2019 đến 31/07/2020 là 1.452.880.000 đồng.

Theo thông báo về thụ lý vụ án số 33/2020/TB-TLVA ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ gửi giữ hộ hàng hóa” giữa các bên gồm: Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (“Công ty”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kho bãi Hoàng Vinh (“Công ty Hoàng Vinh”). Tòa án Nhân dân Quận Bình Tân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Công ty với những yêu cầu giải quyết như sau:

- Buộc Công ty Hoàng Vinh di dời ngay lập tức toàn bộ hàng hóa gửi giữ tại kho bãi số 166 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao mặt bằng cho Công ty.
- Buộc Công ty Hoàng Vinh phải bồi thường do chưa thực hiện bàn giao mặt bằng cho Công ty số tiền 120.000.000 VND/tháng, tạm tính từ tháng 7/2019 đến 30/6/2020 là 1.440.000.000 VND. Công ty tiếp tục thanh toán thiệt hại phát sinh 120.000.000 VND/tháng cho đến khi thực hiện xong việc giao trả mặt bằng.

2. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối đa trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	150.000.000.000	150.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	750.000.000.000	750.000.000.000
Trên 5 năm	-	150.000.000.000
Cộng	900.000.000.000	1.050.000.000.000

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 150.000.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 150.000.000.000 VND).

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạm Hiếu Đạo - Ủy viên HĐQT/Phó Giám đốc		
Số tiền tạm ứng trong năm	40.000.000	-
Số tiền hoàn ứng trong năm	40.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên - Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT (Tái bổ nhiệm từ 27/6/2023)	-	51.455.325	120.000.000	171.455.325
Lê Thành Khoa - Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)	-	51.455.325	58.666.667	110.121.992
Tạ Cao Thái - Phó Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 27/6/2023)	-	-	87.733.333	87.733.333
Hoàng Đức Thịnh - Thành viên HĐQT (Từ 27/6/2023)	-	-	36.800.000	36.800.000
Nguyễn Châu Bảo - Thành biên độc lập HĐQT (Tái bổ nhiệm từ 27/6/2023)	-	42.099.811	72.000.000	114.099.811
Nguyễn Huỳnh Mai - Thành biên độc lập HĐQT (Tái bổ nhiệm từ 27/6/2023)	-	42.099.811	72.000.000	114.099.811
Lê Chí Đăng - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Tái bổ nhiệm từ 27/6/2023)	434.415.855	729.777.568	72.000.000	1.236.193.423
Phạm Hiếu Đạo - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (Tái bổ nhiệm từ 27/6/2023)	352.599.231	554.577.568	72.000.000	979.176.799
Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS (Tái bổ	-	-	60.000.000	60.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Họ tên - Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
nhiệm từ 27/6/2023)				
Lê Thị Đoan Trang – TV BKS (từ ngày 27/6/2023)	-	-	27.600.000	27.600.000
Lê Hải Nam – TV BKS (Tái bổ nhiệm từ 27/6/2023)	-	-	54.000.000	54.000.000
Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	306.895.717	496.744.298	-	803.640.015
Cộng	1.093.910.803	1.968.209.706	732.800.000	3.794.920.509

Năm trước

Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT	-	362.126.369	120.000.000	482.126.369
Lê Thành Khoa - Phó Chủ tịch HĐQT	-	362.126.369	120.000.000	482.126.369
Lê Chí Đăng - Ủy viên HĐQT/Giám đốc	1.115.042.763	330.120.573	72.000.000	1.517.163.336
Phạm Hiếu Đạo - Ủy viên HĐQT /Phó Giám đốc	856.971.915	330.120.573	72.000.000	1.259.092.488
Nguyễn Huỳnh Mai - Ủy viên HĐQT	-	298.114.776	72.000.000	370.114.776
Nguyễn Châu Bảo - Ủy viên HĐQT	-	298.114.776	72.000.000	370.114.776
Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	80.500.879	60.000.000	140.500.879
Nguyễn Quang Phước Sơn – TV BKS (đến ngày 23/01/2022)	-	70.438.270	3.193.548	73.631.818
Nguyễn Xuân Vinh – TV BKS (đến 10/12/2021)	-	66.329.372	-	66.329.372
Tạ Cao Thái – TV BKS (từ 23/01/2022)	-	-	50.806.452	50.806.452
Lê Hải Nam – TV BKS (từ 10/12/2021)	-	4.108.899	54.000.000	58.108.899
Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	763.446.412	153.602.305	-	917.048.717
Cộng	2.735.461.090	2.355.703.161	696.000.000	5.787.164.251

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Bên liên quan của cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Chia cổ tức	32.075.505.600	20.918.808.000
Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ	105.723.713	1.151.545.783
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Chia cổ tức	4.554.000.000	2.970.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong		
Chi trả cổ tức	27.595.400.000	17.997.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ	8.755.232.673	8.252.812.346
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng		
Chi phí sử dụng dịch vụ	219.861.616	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Chi phí xây dựng, sửa chữa	2.902.465.116	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	2.909.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC		
Chi phí sử dụng dịch vụ	175.290.000	4.800.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển
- Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ
- Các lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.000.000.000	25.053.140.539	11.714.117.160	186.767.257.699
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.000.000.000	25.053.140.539	11.714.117.160	186.767.257.699
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	120.316.935.105	2.757.351.297	1.661.156.196	124.735.442.598
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(22.393.013.321)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				102.342.429.277
Doanh thu hoạt động tài chính				14.884.532.612
Chi phí tài chính				(1.637.309.606)
Thu nhập khác				494.067.018
Chi phí khác				(230.713.718)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(22.445.798.473)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				93.407.207.110
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	3.911.703.759	-	-	3.911.703.759
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.025.164.418	6.954.052.800	422.577.458	22.401.794.676
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.000.000.000	27.084.476.256	17.348.115.755	194.432.592.011
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.000.000.000	27.084.476.256	17.348.115.755	194.432.592.011
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.376.808.248	2.555.982.899	1.272.483.286	123.205.274.433
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23.522.222.761)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				99.683.051.672

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính				12.833.729.999
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				17.800.201
Chi phí khác				(166.973.394)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(21.700.559.946)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				90.667.048.532
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	18.742.291.303	-	-	18.742.291.303
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.240.759.810	6.954.052.800	788.018.498	22.982.831.108

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	128.661.684.995	11.893.742.667	4.394.600.358	144.950.028.020
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				467.917.842.401
Tổng tài sản				612.867.870.421
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.049.376.088	629.039.320	1.357.702.115	3.036.117.523
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				18.938.543.216
Tổng nợ phải trả				21.974.660.739
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	131.337.924.448	26.160.604.056	27.661.172.468	185.159.700.972
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				463.433.983.869
Tổng tài sản				648.593.684.841
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	60.903.360	1.229.720.734	3.518.892.471	4.809.516.565
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				16.194.395.643
Tổng nợ phải trả				21.003.912.208

4b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

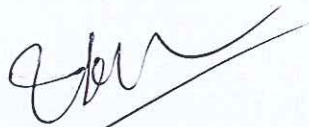
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

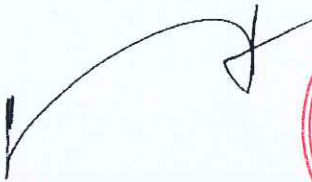
Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Võ Thúc Hậu



Nguyễn Việt Trường





Lê Chí Đăng